

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST

Ngày: 25/5/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Te.
2. Ông Nguyễn Xuân Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 17/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó giám đốc Khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tầng 1, số 96, phường 4, quận 3, Thành phố H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị G, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần bảo hiểm T. Địa chỉ: số 201 - 203, C, phường 4, quận 3, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ngày 06/01/2016, ông Phạm Thanh T và vợ là bà Trần Thị G có ký với ngân hàng TMCP V hợp đồng tín dụng số 5668287/LAN/HĐTD vay 224.000.000 đồng,

thời hạn vay là 72 tháng, mục đích vay là mua xe và Giấy đăng ký kèm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số CN/VN0010157/20170/69 ngày 30/10/2017 vay 62.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng. Để được vay vốn, ông T và bà G đã thế chấp tài sản là quyền sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORLAND, số loại THACO, số khung 90ACFC073964, số máy 9384WB934935, biển số 71C-040.75 do ông Phạm Thanh T đứng tên theo giấy đăng ký xe ô tô số 003573 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre cấp. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với ông T, bà G để yêu cầu trả nợ vay nhưng ông bà kéo dài thời gian, trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân hàng. Ông T đã chết năm 2018. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G phải trả số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2023 là 263.376.481 đồng (trong đó nợ gốc là 144.878.005 đồng, nợ lãi là 118.498.476 đồng). Ngoài ra, trước đây trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng có khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty Bảo hiểm T cùng có trách nhiệm trả nợ với ông T, bà G. Tuy nhiên, ngân hàng xác định việc ông T mua bản hiểm của công ty Bảo hiểm T và lúc ông T chết gia đình ông T không yêu cầu gì với công ty bảo hiểm nên thời hạn giải quyết quyền lợi của ông T với công ty Bảo hiểm T đã hết. Do đó, ngân hàng xin rút lại yêu cầu trả nợ của công ty Bảo hiểm T.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Trần Thị G trình bày:

Bà thừa nhận ông Phạm Thanh T và bà có ký kết các hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP V để vay các khoản tiền như ngân hàng trình bày. Đối với khoản vay mua xe ô tô thì sau khi mua xe được 01 năm chồng bà là ông T bị bệnh, việc kinh doanh khó khăn không trả góp được cho ngân hàng. Lúc này, ông T đã bán xe cho người khác (bà không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể). Giữa ông T và người này có thỏa thuận: ông T giao xe cho người này sử dụng và người này sẽ trả nợ cho ngân hàng V thay cho ông T. Năm 2018 ông T chết. Do chiếc xe và khoản vay của ngân hàng đã thỏa thuận xong từ năm 2017 nên bà không đồng ý việc ngân hàng yêu cầu bà trả tiền. Đối với khoản vay tiêu dùng thì sau khi vay ông T tiêu xài cá nhân hay dùng vào việc gì thì bà không rõ nên bà không đồng ý trả số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật người tham gia tố tụng tại phiên tòa được thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị G phải trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2023 là 263.376.481 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

+ Trường hợp bà G không thanh toán nợ, ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty cổ phần bảo

hiểm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần bảo hiểm T có yêu cầu không tham gia phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà G và Công ty cổ phần bảo hiểm T.

[2] Xét yêu cầu về hợp đồng tín dụng: Giữa Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Thanh T, bà Trần Thị G đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 5668287/LAN/HĐTD vay 224.000.000 đồng, thời hạn vay là 72 tháng, mục đích vay là mua xe và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số CN/VN0010157/20170/69 ngày 30/10/2017 vay 62.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng. Hợp đồng này được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là ông T và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/5/2023 tổng cộng là 263.376.481 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 144.878.005 đồng, nợ lãi là 118.498.476 đồng. Do ông T và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà G phải trả số tiền vay còn nợ nêu trên là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà G cũng đã thừa nhận bà và chồng là ông Phạm Thanh T đã có ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để vay của Ngân hàng TMCP V số tiền nêu trên. Tuy nhiên, việc bà G cho rằng ông T đã bán xe cho một người khác từ năm 2017 nên nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng thuộc về người mua xe. Nhưng bà G không cung cấp được họ tên, địa chỉ cụ thể của người mua xe và cũng không có chứng cứ để chứng minh việc thỏa thuận giữa ông T và người mua xe về nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do đó, việc từ chối trả nợ cho ngân hàng của bà G là không có căn cứ. Đối với khoản vay tiêu dùng thì bà G cho rằng sau khi vay tiền, ông T tiêu xài cá nhân nhưng bà cũng không có chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra, từ khi ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng đến khi ông T chết thì bà và ông T vẫn là vợ chồng, vẫn sinh hoạt gia đình chung, không có kinh doanh riêng. Do đó, theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà G phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ngân hàng TMCP V.

[4] Trước đây, ngân hàng cho rằng ông T chết và có mua bảo hiểm nên có yêu cầu Công ty cổ phần bảo hiểm T cùng có nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng TMCP V đã có yêu cầu rút lại yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần bảo hiểm T phải trả nợ cho ngân hàng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được chấp nhận và cần đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.598.000 (bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

- Bà G phải chịu là: $263.376.481 \text{ đồng} \times 5\% = 13.168.824 \text{ đồng}$.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Trần Thị G.

Buộc bà Trần Thị G phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tính đến ngày 25/5/2023 theo hợp đồng tín dụng số 5668287/LAN/HĐTD ngày 06/01/2016 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số CN/VN0010157/20170/69 ngày 30/10/2017 với tổng số tiền là 263.376.481 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi một đồng). Trong đó: Nợ gốc là 144.878.005 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn không trăm lẻ năm đồng), nợ lãi là 118.498.476 đồng (một trăm mười tám triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 26/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5668287/LAN/HĐTD ngày 06/01/2016 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số CN/VN0010157/20170/69 ngày 30/10/2017 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V.

Nếu trong quá trình trả nợ bà Trần Thị G không trả đúng như án tuyên thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 5668287/LAN/HĐTCSP ngày 16/01/2016 để thu hồi nợ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty cổ phần Bảo hiểm T.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.598.000 (bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004002 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

- Bà Trần Thị G phải chịu là 13.168.824 đồng (mười ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gấm

